TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2026/HS-PT
Ngày: 07 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường
ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 241/2025/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Rơ Mah H về tội "*Giả mạo trong công tác*"; bị cáo Thiều Quang N về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức";* các bị cáo Trần Thanh N1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T, Nguyễn Văn T1, Lê Thị Thanh L, Phạm Đức T2 và Nguyễn Ánh D về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- *Các bị cáo có kháng cáo*:

1. Rơ Mah H**.** Sinh ngày 12/6/1983 tại: xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: Làng K, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Làng K, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai (Nay là làng K, xã I, tỉnh Gia Lai); Số CCCD: 064083008308, cấp ngày 20/3/2023 ; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ksor Ê (đã chết) và bà Rơ Mah H2 (đã chết); bị cáo có vợ là Rơ Mah Y, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án: không, tiền sự: không. Bị cáo là Đảng viên, đến ngày 06/8/2020 Ủy ban kiểm tra huyện ủy Ia Grai quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng, đã bị khai trừ đảng.

Nhân thân: bản án hình sự sơ thẩm số 56/2021/HSST ngày 20/9/2021 xử phạt Rơ Mah H 36 tháng tù về tội "*Giả mạo trong công tác*", bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo cáo được áp dụng biên pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Thiều Q**.** Sinh ngày 06/10/1979 tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn S, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (Nay là thôn S, xã I, tỉnh Gia Lai); Số CCCD: 038079026543, cấp ngày 24/02/2022; nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thiều Quang T3 và bà Nguyễn Thị H3; bị cáo có vợ là Trần Thị H4, có 02 con, sinh năm 2007 và 2013 (2017); tiền án: không, tiền sự: không. Bị cáo là Đảng viên Đ4 đến ngày 18/8/2020 Ủy ban kiểm tra huyện ủy Đ5 quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng, đã bị khai trừ Đảng.

Nhân thân: bản án hình sự sơ thẩm số 56/2021/HSST ngày 20/9/2021 xử phạt Thiều Quang N 18 tháng tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*", bị cáo đã chấp hành xong

Bị cáo cáo được áp dụng biên pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Phạm Thanh H1**.** Sinh ngày 12/3/1983 tại tỉnh Quảng Bình. Thôn H, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay là thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị); Số CCCD: 044083002537, ngày cấp 07/9/2021; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức H5 (đã chết) và bà Trương Thị L1; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim C, có 02 con, sinh năm 2011 và sinh năm 2020; tiền án: không, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Ngô Xuân T**.** Sinh ngày 01/9/1991 tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay là thôn H, xã T, tỉnh Quảng Trị); Số CCCD: 044091002868, cấp ngày 12/01/2022; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Hùng T4 và bà Võ Thị L2; bị cáo có vợ là Phan Thị Hồng T5, có 02 con, sinh năm 2016 và sinh năm 2021; tiền án: không, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Nguyễn Văn T1**.** Sinh ngày 20/11/1993, tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, Quảng Bình (Nay là thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị); Số CCCD: 044093001373, cấp ngày 13/5/2024; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H6 và bà Mai Thị M; bị cáo có vợ là Hoàng Thị T6, có 01 con sinh năm 2019; tiền án: không, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Phạm Đức T2**.** Sinh ngày 01/10/1976 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Thôn B, xã N, tỉnh Thanh Hóa); Số CCCD: 038076006413, cấp ngày 25/4/2021; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức Q và bà Trình Thị H7; bị cáo có vợ là Đỗ Thị O (đã ly hôn), có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án: không, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Trần Thanh N1**.** Sinh ngày 18/8/1992 tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, Quảng Bình (Nay là thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị); Số CCCD: 044092002875, cấp ngày 08/11/2022; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Trần Thị Hoa L3; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T7, có 01 con, sinh năm 2024; tiền án: không, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Nguyễn Ánh D**.** Sinh ngày 01/9/1990 tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện T, Quảng Bình (Nay là thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị); Số CCCD: 044090004558, cấp ngày 29/9/2022; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T8 và bà Phạm Thị Đ; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị M1, có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2025; tiền án: không, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Lê Thị Thanh L**.** Sinh ngày 23/3/1987 tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An (Nay là xóm T, xã T, tỉnh Nghệ An); Số CCCD: 044187005197; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh N2 và bà Trần Thị H8; bị cáo có chồng là Nguyễn Quốc D1, có 02 con, sinh năm 2011 và sinh năm 2022; tiền án: không, tiền sự: không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 2017, La Thị H9 quen, biết Thiều Quang N là Trưởng Công an xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai nên nhờ N nhập khẩu cho một số trường hợp

vào tỉnh Gia Lai để làm Chứng minh nhân dân (CMND) tại Gia Lai để mua đất, làm ăn tuy nhiên phải thay đổi quê quán, N đồng ý và trao đổi với Rơ Mah H (thời điểm này là Trưởng công an xã I, huyện I) giúp chuyển hộ khẩu từ xã I, huyện I về xã I, huyện Đ cho người quen nhưng không có bất cứ một giấy tờ gì. Hơnh đồng ý.

Từ giữa năm 2017 đến tháng 3/2019, ngoài 03 trường hợp Lê Quang P, Nguyễn Văn H10, Trần Văn H11 (đã bị kết án), La Thị H9 còn nhờ Thiều Quang Nam nhập khẩu và làm đơn đề nghị cấp CMND cho 19 trường hợp khác. Mỗi lần nhập khẩu, H9 cung cấp ảnh, thông tin họ tên, ngày sinh, quê quán, họ tên bố, mẹ của người nhập khẩu (thông tin giả) cho N nhập khẩu và cấp đơn đề nghị cấp CMND với thông tin giả mà H9 đã cung cấp (có khi H9 cung cấp thông tin cho N trên tờ giấy, có khi cung cấp qua điện thoại), H9 cho N biết đã thay đổi thông tin cá nhân của các trường hợp trên (có 02 trường hợp Huyền nhờ N lùi năm nhập khẩu để "đẹp" hồ sơ), Nam ghi lại thông tin rồi nhờ Hơnh cắt khẩu.

Mỗi lần cắt chuyển khẩu khống, H lấy mẫu giấy chuyển hộ khẩu viết thông tin người chuyển hộ khẩu do N cung cấp còn các mục chủ hộ, nơi thường trú thì H tự nghĩ ra (thực tế trên địa bàn xã I, huyện I không có các chủ hộ này) ở mục nơi thường trú Hơnh thường lấy là Công ty G, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai, số của giấy chuyển khẩu thì H tự lấy số bất kỳ mà không vào sổ theo dõi, viết xong đầy đủ các thông tin Hơnh ký tên, đóng dấu Trưởng Công an xã I; có 02 trường hợp Nguyễn Thanh M2 và Lê Đức H12 thì N nhờ H lùi ngày về năm 2016 (thực tế là năm 2017). Từ giữa năm 2017 đến tháng 3/2019, ngoài 03 trường hợp Lê Quang P, Nguyễn Văn H10, Trần Văn H11 thì Rơ Mah H còn ký cấp khống 19 giấy chuyển khẩu từ xã I, huyện I đến xã I, huyện Đ, Gia Lai.

Sau khi nhận các giấy chuyển hộ khẩu khống từ Rơ Mah H, Nam nhờ Lê Văn H13 (Phó Công an xã I, huyện Đ) tiếp nhận hồ sơ nhập khẩu cho 06 trường hợp; từ cuối năm 2017 đến tháng 03/2019, ngoài 03 trường hợp Lê Quang P, Nguyễn Văn H10, Trần Văn H11 (đã được điều tra xử lý) Thiều Quang N còn nhờ Lê Quang H14 (thời điểm này là Phó Công an xã I) tiếp nhận hồ sơ nhập khẩu cho 13 trường hợp khác, cụ thể:

Trong năm 2017, N mang 06 giấy chuyển khẩu do H ký khống cấp cho các 06 trường hợp gồm: Nguyễn Thanh M2, sinh ngày 15/03/1981; Nguyễn Văn L4, sinh ngày 18/10/1978; Hồ Văn L5, sinh ngày: 10/7/1980, Lê Văn H15, sinh ngày: 08/10/1970; Nguyễn Văn H16, sinh ngày 20/5/1979; Nguyễn Văn L4, sinh ngày: 3/9/1987 đến Công an xã I, huyện Đ nhờ Lê Văn H13 làm thủ tục nhập khẩu, Nam cho H13 biết những người này là người quen của N cần nhập khẩu vào xã I, huyện Đ, Gia Lai, những người này bận nên N làm giúp thủ tục nhập khẩu và N còn nhờ H13 tìm hộ nào mượn hộ khẩu để xin nhập, H13 đồng ý.

Sau khi H13 mượn được sổ hộ khẩu, mỗi lần nhập khẩu, H13 đưa cho N một mẫu phiếu báo thay đổi nhân hộ khẩu và bản khai nhân khẩu để N viết các thông tin trên bản khai nhân khẩu của Hồ Văn L5, Lê Văn H15, các biểu mẫu còn lại, N nhờ H13 viết và ký thay (thông tin do N cung cấp). Sau khi nhập khẩu xong, N nhờ H13 viết và cấp đơn CMND cho 03 trường hợp là Hồ Văn L5, Nguyễn Thanh M2, Lê Văn H15, còn mục người làm đơn N nói H13 để đưa cho những người

nhập khẩu ký sau. N mượn H13 sổ hộ khẩu để đi làm CMND rồi đưa sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND của người này cho La Thị H9. Còn 03 trường hợp Nguyễn Văn H16, Nguyễn Văn L4 (sinh năm 1987), Nguyễn Văn L4 (sinh năm 1978), sau khi H13 nhập khẩu xong, thì khoảng 02 tháng sau (tức tháng 12/2017) N đến Công an xã I nhờ H13 ký cấp đơn CMND nhưng do không được giữ chức vụ Phó Công an xã Ia Dơk nên không có thẩm quyền ký cấp đơn nên N đến trụ sở Công an xã gặp Lê Quang H14 (Phó Công an xã Ia Dơk) ký đơn đề nghị cấp CMND cho 03 trường hợp còn lại. Sau đó, N đưa sổ hộ khẩu và đơn cho La Thị H9 để H9 đưa 03 người này đi làm CMND.

Từ cuối năm 2017 đến tháng 3/2019, ngoài 03 trường hợp Nam nhờ Lê Quang H14 tiếp nhận hồ sơ nhập khẩu cho 13 trường hợp khác gồm: Lê Đức H12, Ngô Xuân T9, Hoàng Quốc T10, Nguyễn Văn H17, Vũ Quyết Chiến T11, Đặng Thị Thanh T12, Trần Trung N3, Hoàng Quốc H18, Nguyễn Khánh H19, Lưu Văn T13, Nguyễn Văn C1, Võ Thị B1, Lê Khánh H20; mỗi lần nhờ H14 nhập khẩu, N cầm một giấy chuyển hộ khẩu do H ký cấp cho các trường hợp trên đưa cho H14 (có một số trường hợp còn kèm theo phiếu báo thay đổi hộ khẩu do Rơ Mah H viết sẵn nội dung). N cho H14 biết đây là những người quen của N cần nhập khẩu vào xã I để xin cấp đất, xây nhà, do những người này bận nên N làm giúp thủ tục nhập khẩu. Đồng thời, N nhờ H14 tìm nhà nào đồng ý cho nhập khẩu và mượn sổ hộ khẩu để nhập, trong đó N đi mượn sổ hộ khẩu của các hộ ông, bà Lê Khả T14, Trương Văn L6, Trương Thị P1, Trương Quang T15 và nói là nhập khẩu cho người quen để mua đất, để đi thi Đại học được cộng điểm và được chủ hộ đồng ý cho nhập khẩu; đối với 02 hộ Chu Văn H21, Đinh Thị Đ1, Nam nhờ anh Trần Trọng N4 (ở xã I, huyện Đ, Gia Lai, làm cũng xã I, huyện Đ với N) mượn sổ hộ khẩu và để nhập khẩu cho người quen mua đất, xây nhà. N4 đã mượn sổ hộ khẩu của mẹ ruột là Đinh Thị Đ1 và em vợ là Chu Văn H21 cùng ở xã I, Đ rồi đưa cho N và cho biết H21 và bà Đ1 đồng ý cho nhập khẩu; Các hộ còn lại do H14 đi mượn sổ.

Sau khi có sổ hộ khẩu, mỗi lần nhập khẩu, H14 đưa cho N mẫu phiếu báo thay đổi nhân khẩu và bản khai nhân khẩu để N viết các thông tin trên bản khai nhân khẩu của 02 trường hợp Lê Đức H12, Hoàng Quốc T10 các biểu mẫu còn lại, N nhờ H14 viết hộ (thông tin do N cung cấp), sau khi H14 viết xong các biểu mẫu H14 đưa cho N ký, N tự ký thay người nhập khẩu và chủ hộ trên phiếu báo và bản khai nhân khẩu của các trường hợp Đặng Thị Thanh T12, Trần Trung N3, Hoàng Quốc H18; các trường hợp còn lại có lúc Nam nhờ H14 ký, có lúc N nhờ một số người làm ở xã ký (không rõ nhờ ai và không rõ cụ thể trường hợp nào). Sau mỗi lần nhập khẩu xong, N đưa hình cho H14 và ký đơn đề nghị cấp CMND cho những trường hợp này, còn mục người làm đơn N nói để trống để người nhập khẩu ký sau. Sau khi H14 ký cấp đơn xong, N mượn và đưa sổ hộ khẩu, đơn đề nghị cấp CMND cho La Thị H9 để làm thủ tục cấp CMND cho các trường hợp trên.

H9 đã cho N tổng số tiền 77.500.000 đồng từ việc nhập khẩu khống, cấp đơn cho 22 trường hợp (Trong đó 03 trường hợp Lê Quang P, Nguyễn Văn H10, Trần Văn H11 đã bị kết án với số tiền là 30.000.000đ; 19 trường hợp còn lại là

47.500.000đ. N đã cho Rơ Mah H 23.500.000 đồng từ việc giúp N cắt khẩu khống cho 22 trường hợp (Trong đó 03 trường hợp Lê Quang P, Nguyễn Văn H10, Trần Văn H11 đã bị kết án là 4.500.000đ; 19 trường hợp còn lại là 19.000.000đ; Đối với Lê Văn H13 và Lê Quang H14, có trường hợp N gửi cho H14 và H13 tiền uống nước, có trường hợp không gửi, với số tiền từ 200.000đ đến 500.000đ (không rõ số tiền cụ thể) từ việc giúp N nhập khẩu.

Sau khi nhận sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND từ N, La Thị H9 đã đưa sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND cho 22 trường hợp đi làm CMND và hộ chiếu tại Gia Lai với thông tin giả như trong sổ hộ khẩu, đơn đề nghị cấp CMND và tổ chức cho 19 trường hợp. Các trường hợp sử dụng hộ chiếu giả xuất cảnh trái phép, cụ thể:

1. Nguyễn Thanh M2, sinh ngày 15/3/1981, HKTT: Thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An sử dụng thông tin giả Nguyễn Thanh M2, sinh ngày 15/03/1981, quê quán: P, P, Cà Mau.

Do muốn đi Hàn Quốc lao động nên M2 liên lạc với H9 thì biết hộ khẩu Nghệ A không đi Hàn Quốc được mà phải cắt chuyển khẩu vào tỉnh Gia Lai và chi phí đi Hàn Quốc là 13.000 USD, phải đưa trước 30.000.000đ, số tiền còn lại khi nào đi được thì thanh toán, M2 đồng ý.

M2 cắt khẩu và vào Gia Lai gặp H9 đưa 30.000.000đ tiền mặt và ảnh cho H9, sau đó, H9 thay đổi thông tin quê quán của Nguyễn Thanh M2, sinh ngày 15/03/1981, Quê quán: Diễn Thịnh, D, Nghệ An thành Nguyễn Thanh M2, sinh ngày 15/03/1981, quê quán: P, P, Cà Mau rồi cung cấp thông tin đã thay đổi và ảnh (3x4) cho Thiều Quang Nam nhờ nhập khẩu và cấp đơn đề nghị cấp đơn CMND với thông tin giả Nguyễn Thanh M2, sinh ngày 15/03/1981, quê quán: P, P, Cà Mau.

Sau khi nhập xong N đưa cho H9 01 đơn đề nghị cấp CMND cho Nguyễn Thanh M2, quê quán: P, P, Cà Mau và 01 sổ hộ khẩu của hộ Lê Văn H13 (trong sổ có thông tin giả như trên). H9 đưa cho M2 sổ hổ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND rồi dẫn M2 đi làm CMND với thông tin giả là Nguyễn Thanh M2 (sinh ngày 15/03/1981, quê quán: P, P, Cà Mau); HKTT xã I, huyện Đ, Gia Lai.

Sau khi được cấp CMND, H9 lên Phòng Q1, Công an tỉnh G đăng ký thủ tục để làm hộ chiếu cho M2 nhưng bị trùng tên nên không làm được hộ chiếu, do đó M2 chưa làm hộ chiếu với thông tin giả tại Gia Lai.

Kết luận giám định số 839/KL-KTHS ngày 18/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh G, kết luận:

Dấu vân tay trên Chỉ bản, tờ khai Chứng minh nhân dân số 231239804 mang tên Nguyễn Thanh M2, sinh ngày 15/03/1981, quê quán: P, P, Cà Mau, với dấu vân tay trên chỉ bản mang tên Nguyễn Thanh M2, Sinh ngày 15/03/1981, HKTT: Xã D, D, Nghệ An là cùng một người in ra.

2. Đối với Phạm Đức T2, sinh ngày 01/10/1976, HKTT: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa sử dụng thông tin giả Lê Đức H12, sinh ngày: 17/8/1977, quê quán: Song Ray, C, Đồng Nai.

Khoảng cuối năm 2017, do có nhu cầu đi Hàn Quốc lao động nên T2 đã liên lạc với H9 thì biết hộ khẩu Thanh H22 không đi được Hàn Quốc nên phải cắt chuyển khẩu vào tỉnh Gia Lai và chi phí đi Hàn Quốc là 200.000.000đ khi nào đi được mới thanh toán, T2 đến Công an xã N cắt chuyển khẩu và tỉnh Gia Lai rồi gửi vào địa chỉ TP . cho H9.

Sau khi nhận được giấy chuyển khẩu và hình ảnh của T2, H9 thay đổi thông tin Phạm Đức T2, sinh ngày 01/10/1976, Quê quán: xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thành Lê Đức H12, sinh ngày 17/8/1977, quê quán: Song Ray, C, Đồng Nai rồi H9 cung cấp thông tin đã thay đổi và ảnh (3x4) cho N nhờ N nhập khẩu cho trường hợp Lê Đức H12 vào huyện Đ, tỉnh Gia Lai còn đơn cấp CMND thì làm sau.

Khoảng vài tháng sau, H9 liên hệ với T2 vào tỉnh Gia Lai để làm CMND, hộ chiếu. Đồng thời, H9 vào Gia Lai gặp và nhờ N cấp đơn đề nghị cấp CMND với tên giả Lê Đức H12. Khoảng vài ngày sau, N đưa cho H9 01 đơn đề nghị cấp CMND cho Lê Đức H12 và 01 sổ hộ khẩu của hộ Lê Văn H13, trong sổ có thông tin nhập khẩu của Lê Đức H12. Sau đó, H9 đưa sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND cho một người phụ nữ nhận hồ sơ làm nhanh CMND, thường đứng trước cửa bộ phận làm chứng minh và nhờ người này dẫn trí đi làm chứng minh và hộ chiếu với thông tin giả Lê Đức H12 như trong sổ hộ khẩu.

Sau khi có chứng minh và hộ chiếu H9 liên hệ và nộp hồ sơ gồm CMND và hộ chiếu với tên giả Lê Đức H12 cho một công ty du lịch tại TP . (không rõ công ty D3 nào) để tổ chức cho T2 sử dụng hộ chiếu với tên Lê Đức H12 đi du lịch Singapore, mục đích để đẹp hộ chiếu dễ xin visa Hàn Quốc. T2 đã sử dụng hộ chiếu với tên giả Lê Đức H12 xuất cảnh đi du lịch Singapore ba ngày, tuy nhiên sau đó T2 từ bỏ việc đi Hàn Quốc và không còn liên lạc với H9. Do chưa đi được Hàn Quốc nên T2 cũng chưa trả tiền cho H9.

Kết luận giám định số 839 ngày 18/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh G, kết luận:

Dấu vân tay trên Chỉ bản, tờ khai CMND số 231279951 mang tên Lê Đức H12 với D2 vân tay trên chỉ bản mang tên Phạm Đức T2 (Sinh ngày 01/10/1976, HKTT: Thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) do cùng một người in ra.

Kết luận giám định số 641/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận:

Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết họ tên "lê Đức Hùng" dưới mục "Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)" trên Tờ khai (dùng cho công dân Việt Nam đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước) ngày 09/6/2018 mang tên Lê Đức H12 so với chữ viết của Phạm Đức T2 (trên các mẫu so sánh) do cùng một người viết ra.

Chữ viết trên mẫu giám định (trữ chữ ký, dạng chữ viết họ tên "lê Đức Hùng" dưới mục "Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)" so với chữ viết của Phạm Đức T2 trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) không phải do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ viết nội dung "LÊ ĐỨC H12" tại Mục 1. Họ tên (chữ in hoa)…trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết cảu Phạm Đức T2 trên các mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra không.

3. Đối với Nguyễn Văn T1, sinh ngày 20/11/1993, HKTT: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình sử dụng thông tin giả Trần Trung N3, sinh ngày 11/11/1988, quê quán: L, Nhà B, TP ..

Khoảng giữa năm 2018, do có nhu cầu đi Hàn Quốc lao động nên thông qua mạng xã hội Facebook, T1 kết bạn và liên lạc với tài khoản "Thiều Lâm" trên mạng xã hội Facebook (L4 giới thiệu hiện đang làm việc ở Hàn Quốc, nhà ở tỉnh Quảng Bình) để nhờ lo thủ tục đi Hàn Quốc lao động, L4 đồng ý và liên lạc qua Facebook với H9 thì biết hộ khẩu Quảng Bình thuộc khu vực hạn chế khó đi Hàn Quốc nên cần phải cắt chuyển khẩu vào tỉnh Gia Lai, chi phí từ 200 triệu đồng đến 300 triệu đồng. Sau đó, L4 cho T1 số điện thoại của La Thị H9 liên lạc rồi đến Công an xã Q cắt chuyển khẩu vào tỉnh Gia Lai đúng với thông tin cá nhân của T1, đồng thời T1 nộp cho L4 50 triệu đồng tiền cọc (không rõ nộp vào tài khoản nào) và vào Gia Lai gặp H9 đưa giấy cắt chuyển khẩu và ảnh (4x6, 3x4). H9 đã thay đổi thông tin Nguyễn Văn T1, quê quán: Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình thay đổi thành Trần Trung N3 (sinh ngày 11/11/1988, quê quán: L, Nhà B2, TP .) rồi cung cấp thông tin, ảnh cho N nhờ N nhập khẩu và làm đơn đề nghị cấp CMND với tên giả Trần Trung N3.

Sau khi nhập khẩu xong Thiều Quang N đưa cho H9 01 đơn đề nghị cấp CMND cho Trần Trung N3 và một sổ hộ khẩu của hộ Lê Anh T16, H9 đưa sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND cho một người đàn ông nhận hồ sơ làm nhanh chứng minh nhân dân, thường đứng trước cửa bộ phận làm chứng minh và nhờ người này dẫn T1 đi làm chứng minh và hộ chiếu với thông tin giả như trong sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND. Người đàn ông này hướng dẫn và dẫn T1 làm thủ tục để cấp CMND, hộ chiếu với tên Trần Trung N3 như trong sổ hộ khẩu và đơn cấp chứng minh. Sau khi được cấp CMND mang tên Trần Trung N3, số CMND: 231366024. T1 cầm chứng minh mới được cấp đến Phòng Q1 viết tờ khai cấp hộ chiếu với thông tin Trần Trung N3.

Sau khi có chứng minh và hộ chiếu với tên giả Trần Trung N3, để đẹp hộ chiếu dễ xin visa Hàn Quốc nên H9 liên hệ và nộp hồ sơ gồm CMND và hộ chiếu với tên Trần Trung N3 cho một công ty du lịch tại TP . (không rõ công ty D3 nào) và đã tổ chức cho T1 sử dụng hộ chiếu với tên Trần Trung N3 đi du lịch Singapore trong thời gian ba ngày. Thời gian sau, không thấy có hồ sơ đi Hàn Quốc nên T1 đã liên lạc với H9 việc T1 từ bỏ việc đi Hàn Quốc và sau đó không còn liên lạc với H9. Do chưa đi được Hàn Quốc nên L4 đã chuyển trả lại tiền cọc cho T1.

Kết luận giám định số 839/KL-KTHS ngày 18/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh G, kết luận:

Dấu vân tay trên Chỉ bản, tờ khai CMND số 231366024 mang tên Trần Trung N3 với D2 vân tay trên chỉ bản mang tên Nguyễn Văn T1 Sinh ngày 20/11/1993, HKTT: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) do cùng một người in ra.

Kết luận giám định số 641/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận:

Chữ viết trên Tờ khai (dùng cho công dân Việt Nam đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước) ngày 18/7/2018 mang tên Trần Trung N3 (Trừ chữ viết nội dung "17/7/2018", "Nguyễn Đăng P2" và "C2" trên hai dấu đỏ "ĐÃ ĐỐI CHIẾU") so với chữ viết của Nguyễn Văn T1 (trên các mẫu so sánh) do cùng một người viết ra.

4. Đối với Trần Thanh N1, sinh ngày 18/8/1992, HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình sử dụng thông tin giả Lê Khánh H20, sinh ngày 25/6/1989, quê quán: P, Nhà B, TP ..

Khoảng giữa năm 2018, do có nhu cầu đi Hàn Quốc lao động nên N1 đã liên lạc và nhờ L4 lo thủ tục đi Hàn Quốc, L4 cho N1 số điện thoại của La Thị H9 để liên lạc lo thủ tục.

Sau đó N1 đến Công an xã T cắt chuyển khẩu vào huyện Đ, tỉnh Gia Lai đúng với thông tin cá nhân của N1 (thông tin do H9 cung cấp), đồng thời N1 nộp cho L4 50 triệu đồng tiền cọc (không rõ nộp vào tài khoản nào). Nhật vào tỉnh Gia Lai đưa cho H9 Giấy cắt chuyển hộ khẩu và hình ảnh (3x4, 4x6), H9 thay đổi thông tin của N1 thành Lê Khánh H20, sinh ngày 25/6/1989, quê quán: P, Nhà B2, TP . rồi cung cấp thông tin, ảnh cho N nhập khẩu và làm đơn đề nghị cấp CMND với tên giả Lê Khánh H20.

Khoảng vài ngày sau, Thiều Quang N đưa cho H9 01 đơn đề nghị cấp CMND cấp cho Lê Khánh H20 và một sổ hộ khẩu của hộ Lê Khả T14 trong sổ có thông tin nhập khẩu của Lê Khánh H20 nêu trên. Sau đó, H9 đưa sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND cho N1 đi làm CMND, hộ chiếu với tên giả Lê Khánh H20 như trong sổ hộ khẩu.

Sau khi có chứng minh và hộ chiếu H9 liên hệ và nộp hồ sơ gồm CMND và hộ chiếu với tên Lê Khánh H20 cho một công ty du lịch tại TP . (không rõ công ty nào) để tổ chức cho N1 sử dụng hộ chiếu với tên Lê Khánh H20 đi du lịch Singapore trong thời gian ba ngày. Thời gian sau, không thấy có thông tin đi Hàn Quốc nên N1 đã liên lạc với H9 việc N1 từ bỏ việc đi Hàn Quốc và không còn liên lạc với H9. Do chưa đi được Hàn Quốc nên L4 đã chuyển trả lại tiền cọc cho N1.

Kết luận giám định số 839/KL-KTHS ngày 18/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh G, kết luận:

Dấu vân tay trên Chỉ bản, tờ khai CMND số 231366275 mang tên Lê Khánh H20 với dấu vân tay trên chỉ bản mang tên Trần Thanh N1 (Sinh ngày 18/8/1992, HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình) do cùng một người in ra.

Kết luận giám định số 641/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận:

- Chữ viết trên Tờ khai (dùng cho công dân Việt Nam đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước) ngày 30/7/2018 mang tên Lê Khánh H20 (Trừ chữ viết nội dung "17/7/2018", "Nguyễn Đăng P2" và "C2" trên hai dấu đỏ "ĐÃ ĐỐI CHIẾU") so với chữ viết của Trần Thanh N1 (trên các mẫu so sánh) do cùng một người viết ra.

5. Đối với Phạm Thanh H1, sinh ngày 12/3/1983, HKTT: Thôn H, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình sử dụng thông tin giả Vũ Quyết Chiến T11, sinh ngày 08/04/1980, quê quán: B, C, Tp ..

Khoảng giữa năm 2018, do có nhu cầu đi Hàn Quốc lao động nên H1 liên lạc và nhờ L4 lo thủ tục, L4 cho H1 số điện thoại của La Thị H9 để liên hệ lo thủ tục nhập khẩu và xin visa Hàn Quốc. Khi liên lạc H9 cho biết hộ khẩu Quảng Bình không đi được Hàn Quốc nên phải cắt chuyển khẩu vào huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên H1 đã đến Công an xã L cắt chuyển khẩu vào huyện Đ, tỉnh Gia Lai đúng với thông tin cá nhân của H1 và nộp cho L4 50 triệu đồng tiền cọc (không rõ nộp vào tài khoản nào) rồi vào Gia Lai đưa giấy chuyển khẩu và hình ảnh (3x4, 4x6) cho H9.

Sau khi nhận được giấy chuyển khẩu và hình ảnh của H1, H9 thay đổi thông tin của H1 thành Vũ Quyết Chiến T11, sinh ngày 08/4/1980, quê quán: B, C, Tp . rồi cung cấp thông tin, ảnh nhờ N nhập khẩu và làm đơn đề nghị cấp CMND với tên giả Vũ Quyết Chiến T11. Khoảng vài ngày sau, Thiều Quang N đưa cho H9 01 đơn đề nghị cấp CMND cho Vũ Quyết Chiến T11 và một sổ hộ khẩu của hộ Trương Quang T15. Sau đó H1 đi làm và được cấp CMND Hộ chiếu với thông tin Vũ Quyết Chiến T11.

Sau khi có chứng minh và hộ chiếu H9 liên hệ rồi nộp hồ sơ với tên Vũ Quyết Chiến T11 cho một công ty du lịch tại TP . (không rõ công ty D3 nào) để tổ chức cho H1 sử dụng hộ chiếu với tên Vũ Quyết Chiến T11 đi du lịch Singapore trong thời gian ba ngày. Sau đó, thấy lâu không có thông tin đi Hàn Quốc nên Hải báo cho H9 biết về việc H1 từ bỏ việc đi Hàn Quốc và không còn liên lạc với H9. Do chưa đi được Hàn Quốc nên L4 đã chuyển trả lại tiền cọc cho H1.

Kết luận giám định số 839/KL-KTHS ngày 18/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh G, kết luận:

Dấu vân tay trên Chỉ bản, tờ khai CMND số 231366270 mang tên Vũ Quyết Chiến T11 so với dấu vân tay trên chỉ bản mang tên Phạm Thanh H1, Sinh ngày 12/3/ 1983, HKTT: Thôn H, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) do cùng một người in ra.

Kết luận giám định số 641/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận:

Chữ viết trên Tờ khai (dùng cho công dân Việt Nam đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước) ngày 30/7/2018 mang tên Vũ Quyết Chiến T11 (Trừ chữ viết nội dung "30/7/2018", "Ng Hùng A1" và "C2" trên hai dấu đỏ "ĐÃ ĐỐI CHIẾU") so với chữ viết của Phạm Thanh H1 (trên các mẫu so sánh) do cùng một người viết ra.

6. Đối với Ngô Xuân T, sinh ngày 01/9/1991, HKTT: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình sử dụng thông tin giả Ngô Xuân T9, sinh ngày 09/01/1992, quê quán: Sông R, C, Đồng Nai.

Khoảng cuối năm 2018, do có nhu cầu đi Hàn Quốc lao động nên T liên lạc và nhờ L4 lo thủ tục đi Hàn Quốc lao động, L4 cho T số điện thoại của La Thị H9 để liên lạc thì biết hộ khẩu miền trung không đi Hàn Quốc được nên phải cắt chuyển khẩu vào tỉnh Gia Lai. Sau đó, T đã đến Công an xã Q làm thủ tục cắt chuyển khẩu vào huyện Đ, tỉnh Gia Lai đúng với thông tin cá nhân của T rồi đi vào Gia Lai đưa cho H9.

Sau khi nhận được giấy chuyển khẩu và hình ảnh của T, H9 thay đổi thông tin của T thành Ngô Xuân T9, sinh ngày 09/01/1992, quê quán: Sông R, C, Đồng Nai rồi cung cấp thông tin, ảnh cho N nhờ N nhập khẩu và làm đơn đề nghị cấp CMND với tên giả Ngô Xuân T9.

Sau khi nhập khẩu xong, N đưa cho H9 01 đơn đề nghị cấp CMND cho Ngô Xuân T9 và một sổ hộ khẩu của hộ Lê Anh T16 trong sổ có thông tin nhập khẩu của Ngô Xuân T9 nêu trên. Sau đó, H9 đưa cho T đơn đề nghị cấp CMND và sổ hộ khẩu nêu trên và hướng dẫn T làm thủ tục để cấp CMND, hộ chiếu với tên Ngô Xuân T9 theo như các thông tin trong sổ hộ khẩu.

La Thị H9 liên hệ và nộp hồ sơ gồm CMND và hộ chiếu với tên Ngô Xuân T9 cho một công ty du lịch tại TP . (không rõ công ty D3 nào) để tổ chức cho T sử dụng hộ chiếu với tên Ngô Xuân T9 đi du lịch Thái Lan, mục đích để đẹp hộ chiếu dễ xin visa Hàn Quốc trong thời gian ba ngày. Thời gian sau, không thấy có thông tin đi Hàn Quốc nên T đã liên lạc với H9 và từ bỏ việc đi Hàn Quốc.

Kết luận giám định số 839/KL-KTHS ngày 18/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh G, kết luận:

Dấu vân tay trên chỉ bản, tờ khai làm CMND số 231431661 mang tên Ngô Xuân T9 với dấu vân tay trên chỉ bản mang tên Ngô Xuân T (Sinh ngày 01/9/1991, HKTT: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) do cùng một người in ra.

Kết luận giám định số 641/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận:

Chữ viết trên Tờ khai (dùng cho công dân Việt Nam đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước) ngày 26/4/2019 mang tên Ngô Xuân T9 (Trừ chữ

viết nội dung "26/4/2019", "Nguyễn Đăng P2" và "P2" trên hai dấu đỏ "ĐÃ ĐỐI CHIẾU") so với chữ viết của Ngô Xuân T (trên các mẫu so sánh) do cùng một người viết ra.

7. Đối với Nguyễn Ánh D, sinh ngày: 01/9/1990, HKTT: Thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình sử dụng thông tin giả Nguyễn Văn C1, sinh ngày 10/9/1991, quê quán: P, Nhà B, TP ..

Khoảng giữa năm 2019, D có nhu cầu đi Hàn Quốc lao động nên liên lạc và nhờ L4 lo thủ tục đi Hàn Quốc lao động, L4 đồng ý và cho số điện thoại của La Thị H9 để liên lạc, sau đó, D đến Công an xã M cắt chuyển khẩu vào huyện Đ, tỉnh Gia Lai đúng với thông tin của D rồi gửi giấy tờ và hình (4x6, 3x4) vào TP . cho H9. Sau khi nhận được giấy chuyển khẩu và hình ảnh của D, H9 thay đổi thông tin của Dương thành Nguyễn Văn C1, sinh ngày 10/9/1991, quê quán: P, Nhà B2, Tp . rồi cung cấp thông tin, ảnh cho N nhờ N nhập khẩu và làm đơn đề nghị CMND với tên giả Nguyễn Văn C1.

Sau khi nhập khẩu xong N đưa cho H9 01 đơn đề nghị cấp CMND cho Nguyễn Văn C1 và một sổ hộ khẩu của hộ Đinh Thị Đ1. Sau đó, H9 đưa sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND cho một người đàn ông nhận hồ sơ làm nhanh CMND, thường đứng trước cửa bộ phận làm chứng minh và nhờ người này dẫn D đi làm chứng minh và hộ chiếu với thông tin giả như trong sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND, hộ chiếu với thông tin Nguyễn Văn C1. Sau đó, D sử dụng dịch vụ chuyển phát nhanh gửi CMND, hộ chiếu, sổ hộ khẩu vào TP . cho H9.

Sau khi có chứng minh và hộ chiếu H9 liên hệ và nộp hồ sơ với tên Nguyễn Văn C1 cho một công ty du lịch tại TP . (không rõ công ty D3 nào) và đã tổ chức cho D sử dụng hộ chiếu với tên Nguyễn Văn C1 đi du lịch Thái Lan trong thời gian ba ngày sau, sau đó tiếp tục tổ chức cho D đi Nhật Bản trong thời gian ba ngày. Sau đó, thấy lâu không có thông tin đi Hàn Quốc nên D báo cho H9 biết về việc D từ bỏ việc đi Hàn Quốc và không còn liên lạc với H9.

Kết luận giám định số 839/KL-KTHS ngày 18/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh G, kết luận:

Dấu vân tay trên Chỉ bản, tờ khai CMND số 231431731 mang tên Nguyễn Văn C1 với dấu vân tay trên chỉ bản mang tên Nguyễn Ánh D (Sinh ngày 01/9/1990, HKTT: xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình) do cùng một người in ra.

Kết luận giám định số 641/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận:

Chữ viết trên Tờ khai (dùng cho công dân Việt Nam đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước) ngày 25/9/2019 mang tên Nguyễn Văn C1 (Trừ chữ viết nội dung "25/9/2019", "Huỳnh Anh P3" trên dấu đỏ "ĐÃ ĐỐI CHIẾU") so với chữ viết của Nguyễn Ánh D (trên các mẫu so sánh) do cùng một người viết ra.

8. Đối với Lê Thị Thanh L, sinh ngày 23/3/1987, HKTT: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An sử dụng thông tin giả Đặng Thị Thanh T12, sinh ngày 29/04/1984, quê quán: B, C, Tp ..

Khoảng giữa năm 2018, do có nhu cầu đi Hàn Quốc lao động nên L đã liên lạc và nhờ Thiều Thanh L7 lo thủ tục, L7 cho L số điện thoại của H9 liên lạc và thống nhất cắt khẩu chuyển vào Gia Lai. Sau đó, L đến Công an xã N (nay đổi tên thành Trung Phúc C3, huyện N) cắt chuyển khẩu vào huyện Đ, tỉnh Gia Lai đúng với thông tin cá nhân của L rồi gửi các giấy tờ và hình ảnh (3x4,4x6) vào địa chỉ TP . cho H9 theo như thông tin L7 cung cấp. Sau khi nhận được giấy chuyển khẩu và hình ảnh của L, H9 thay đổi thông tin của L thành Đặng Thị Thanh T12, sinh ngày 29/04/1984, quê quán: B, C, Tp . rồi cung cấp thông tin, ảnh cho Thiều Quang N nhờ N nhập khẩu và làm đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân với tên giả Đặng Thị Thanh T12.

Sau khi nhập khẩu xong N đưa cho H9 01 đơn đề nghị cấp CMND cho Đặng Thị Thanh T12 và một sổ hộ khẩu của hộ Phan Đình Đ2. Sau đó, H9 đưa sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND cho một người đàn ông nhận hồ sơ làm nhanh CMND, thường đứng trước cửa bộ phận làm chứng minh và nhờ người này dẫn L đi làm chứng minh và hộ chiếu với thông tin giả như trong sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND, hộ chiếu với tên Đặng Thị Thanh T12. L sử dụng dịch vụ chuyển phát nhanh gửi hộ chiếu.

Sau khi có chứng minh và hộ chiếu H9 đã nộp hồ sơ gồm CMND và hộ chiếu với tên giả Đặng Thị Thanh T12 cho một công ty xin Visa Hàn Quốc tại TP . (Hiện H9 không nhớ rõ công ty nào) và xin được visa Hàn Quốc cho trường hợp này. Sau khi xin được visa Hàn Quốc, H9 thông báo cho Thiều Thanh L7 biết và thông báo lịch bay và số điện thoại của công ty cho L7 để L7 thông báo cho L. Sau đó, L đã sử dụng hộ chiếu với tên giả Đặng Thị Thanh T12 xuất cảnh đi Hàn Quốc và xin làm được 01 năm thì bị trục xuất về nước, còn CMND và hộ chiếu với tên giả Đặng Thị Thanh T12 thì L làm mất bên Hàn Quốc. L đã nộp cho Thiều Thanh L7 300.000.000đ (không rõ nộp vào tài khoản nào). (Hiện H9 cũng không nhớ rõ nhận tiền từ L7 bằng hình thức gì).

Kết luận giám định số 839/KL-KTHS ngày 18/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh G, kết luận:

Dấu vân tay trên Chỉ bản, tờ khai CMND số 231365980 mang tên Đặng Thị Thanh T12 với D2 vân tay trên chỉ bản mang tên Lê Thị Thanh L, sinh ngày 23/3/1987, HKTT: Xóm T, xã T, huyện N, tỉnh Nghệ An) do cùng một người in ra.

Kết luận giám định số 641/KL-KTHS ngày 07/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận:

Chữ viết trên Tờ khai (dùng cho công dân Việt Nam đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước) ngày 17/7/2018 mang tên Đặng Thị Thanh T12 (Trừ chữ viết nội dung "17/7/2018", "Nguyễn Đăng P2" và "C2" trên hai dấu đỏ "ĐÃ ĐỐI CHIẾU"; Chữ viết nội dung "Thôn I" tại mục 8. Địa chỉ thường trú (ghi

theo sổ hộ khẩu)) so với chữ viết của Lê Thị Thanh L (trên các mẫu so sánh) do cùng một người viết ra.

9. Đối với Lê Thanh H23, sinh ngày 16/12/1973, HKTT: Tổ dân phố A, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh sử dụng thông tin giả Lê Văn H15, sinh ngày: 08/10/1970, quê quán: Sơn Hội, S, Phú Yên.

Do có nhu cầu đi Hàn Quốc lao động nên vào khoảng cuối năm 2017, H23 liên lạc với H9 thì biết hộ khẩu Hà Tĩnh không đi được Hàn Quốc, nên phải cắt chuyển khẩu vào vào huyện Đ, tỉnh Gia Lai, chi phí đi Hàn Quốc là 130.000.000đ, phải đưa trước 30.000.000đ, H23 đồng ý và đến Công an thị trấn X cắt chuyển khẩu vào tỉnh Gia Lai đúng với thông tin rồi vào Gia Lai đưa cho H9 các giấy cắt chuyển khẩu, ảnh (4x6, 3x4) và đưa trước 30.000.000đ tiền mặt cho H9. Sau đó, H9 đã thay đổi thông tin: Lê Thanh H23, sinh ngày 16/12/1973, quê quán: Thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh thành Lê Văn H15 (sinh ngày: 08/10/1970, quê quán: S, S, Phú Yên) rồi cung cấp thông tin đã thay đổi và ảnh (3x4) cho T21 nhờ Nam nhập khẩu và cấp đơn đề nghị cấp CMND với tên giả Lê Văn H15.

Sau khi nhập khẩu xong N đưa cho H9 01 đơn đề nghị cấp CMND cấp cho Lê Văn H15 và 01 sổ hộ khẩu của hộ Nguyễn Mạnh Đ3. Sau đó, H9 đưa cho H23 sổ hộ khẩu, đơn đề nghị cấp CMND và cho H23 biết H9 đã nhập khẩu cho H23 vào một hộ ở xã I, huyện Đ và thay đổi thông tin cá nhân của H23. Huyền hướng dẫn và dẫn H23 lên bộ phận làm CMND với thông tin giả Lê Văn H15.

Sau đó, H9 hướng dẫn H23 cầm CMND đi làm hộ chiếu với tên Lê Văn H15. Sau khi về nhà, qua tìm hiểu H23 nhận thức được việc làm CMND và hộ chiếu với tên giả Lê Văn H15 là vi phạm pháp luật nên H23 cho H9 biết H23 không có nhu cầu đi Hàn Quốc nữa nên không cần lo thủ tục. Do đó, H9 chưa tổ chức cho H23 sử dụng hộ chiếu giả xuất cảnh. Huyền giữ lại chứng minh và hộ chiếu với tên giả Lê Văn H15 còn sổ hộ khẩu của hộ Nguyễn Mạnh Đ3 thì trả lại cho N.

Kết luận giám định số 839/KL-KTHS ngày 18/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh G, kết luận:

Dấu vân tay trên Chỉ bản, tờ khai CMND số 231256446 mang tên Lê Văn H15 với dấu vân tay trên chỉ bản mang tên Lê Thanh H23 (Sinh ngày 10/11/1973, HKTT: Tổ Dân phố A, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh do cùng một người in ra.

10. Đối với trường 10 trường hợp có thông tin giả: Nguyễn Văn L4 (sinh năm 1978), Nguyễn Văn L4 (sinh năm 1987); Nguyễn Văn H16, Hồ Văn L5, Hoàng Quốc T10, Nguyễn Văn H17, Hoàng Quốc H18, Nguyễn Khánh H19, Lưu Văn T13, Võ Thị B1 và hành vi tổ chức cho người khác sử dụng hộ chiếu giả xuất cảnh trái phép của La Thị H9.

Do thời gian đã lâu nên H9 không nhớ nội dung trao đổi, thoả thuận cụ thể từng trường hợp, cũng không rõ do ai giới thiệu, cũng không nhớ rõ tên thật của các trường hợp này. Cũng như các trường hợp khác, từ tháng 9/2017 đến tháng

3/2019, 10 trường hợp liên lạc với H9 để đặt vấn để lo thủ tục đi Hàn Quốc lao động, do thuộc các tỉnh bị đất nước Hàn Quốc hạn chế xin Visa nên H9 yêu cầu họ cắt chuyển khẩu vào tỉnh Gia Lai với thông tin thật và cung cấp hình ảnh (3x4, 4x6) cho H9, tổng chi phí từ 200 triệu đồng đến 300 triệu đồng (tuỳ từng trường hợp) khi nào đi được mới thanh toán. Sau khi tiếp nhận các giấy chuyển khẩu và hình ảnh, H9 thay đổi thông tin cá nhân của các trường hợp rồi cung cấp thông tin cá nhân đã thay đổi và hình ảnh (3x4) cho N và nhờ N nhập khẩu khống và cấp đơn đề nghị cấp đơn CMND với thông tin giả như H9 cung cấp. Sau mỗi lần cung cấp thông tin cho N thì khoảng vài ngày sau, Thiều Quang N đưa cho H9 một số hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND với thông tin giả như H9 cung cấp gồm:

Nguyễn Văn L4 (sinh ngày 18/10/1978, quê quán: S, C, Đồng Nai) nhập khẩu vào hộ Nguyễn Mạnh Đ3, trú tại: Làng D, Xã I, Huyện Đ, Gia Lai.

Hồ Văn L5 (sinh ngày: 10/7/1980, quê quán: Đ, Đ, Bình Thuận) nhập khẩu vào hộ Trần Thị Thu T17, trú tại: thôn Đ, Xã I, Huyện Đ, Gia Lai.

Nguyễn Văn H16 (sinh ngày 20/5/1979, quê quán: N, H, TP .) nhập khẩu vào hộ Trần Thị Thu T17, trú tại: thôn Đ, Xã I, Huyện Đ, Gia Lai.

Hoàng Quốc T10 (sinh ngày: 20/8/1982, quê quán: L, Nhà B, TP .) nhập khẩu vào hộ Nguyễn Mạnh Đ3, trú tại: thôn Đ, Xã I, Huyện Đ, Gia Lai.

Nguyễn Văn L4 (sinh năm: 1987, quê quán: H, C, TP .) nhập khẩu vào hộ Phan Đình T18, trú tại: thôn Y, Xã I, Huyện Đ, Gia Lai.

Nguyễn Văn H17 (sinh ngày 10/6/1983, Quê quán: T, H, TP .) nhập khẩu vào hộ Trần Thị Thu T17, trú tại: thôn Đ, Xã I, Huyện Đ, Gia Lai.

Hoàng Quốc H18 (Sinh ngày 03/9/1978, quê quán: H, C, TP .) nhập khẩu vào hộ Trương Thị P1, trú tại: Thôn P, Xã I, Huyện Đ, Gia Lai.

Nguyễn Khánh H19 (Sinh ngày 20/8/1977, quê quán: P, Nhà B, TP .) nhập khẩu vào hộ Trương Văn L6, trú tại: Thôn P, Xã I, Huyện Đ, Gia Lai).

Lưu Văn T13 (Sinh ngày 15/5/1989, quê quán: Long Thới, Nhà B2, Tp ., TP .) nhập khẩu vào hộ Chu Văn H21, trú tại: Thôn Đ, Xã I, Huyện Đ, Gia Lai).

Võ Thị B1 (sinh ngày 21/01/1987, quê quán: L, Nhà B, Tp .) nhập khẩu vào hộ Trương Văn L6, trú tại: thôn Đ, Xã I, Huyện Đ, Gia Lai.

Sau khi tiếp nhận sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND từ Thiều Quang N, H9 đưa sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp CMND cho 10 trường hợp và hướng dẫn họ đi làm CMND và hộ chiếu với tên giả như trong sổ hộ khẩu, đơn cấp đề nghị cấp CMND và được Công an tỉnh G cấp CMND, Cục Q2 cấp hộ chiếu như sau:

Chứng minh nhân dân số 231256443 cấp ngày 04/8/2017; hộ chiếu số C3115159 ngày cấp: 14/08/2017 mang tên Hồ Văn L5.

Chứng minh nhân dân số 2312594402 cấp ngày 25/12/2017, hộ chiếu số C4381266 ngày cấp: 11/01/2018 mang tên Nguyễn Văn H16.

Chứng minh nhân dân số 231259446, cấp ngày 25/12/2017, hộ chiếu số C4380470 ngày cấp: 10/01/2018 mang tên Nguyễn Văn L4 (sinh năm 1978).

Chứng minh nhân dân số 231259554, cấp ngày 29/12/2017; hộ chiếu số C4381267 ngày cấp: 11/01/2018 mang tên Nguyễn Văn L4 (sinh năm 1987).

Chứng minh nhân dân số 231365102 cấp ngày 13/6/2018; Hộ chiếu số C5333212 ngày cấp: 21/06/2018 mang tên Hoàng Quốc T10.

Chứng minh nhân dân số 231365301, cấp ngày 20/6/2018, Hộ chiếu số C5339362 ngày cấp 28/06/2018 mang tên Nguyễn Văn H17.

Chứng minh nhân dân số 231366088 cấp ngày 19/7/2018, hộ chiếu số C5734131 ngày cấp: 27/07/2018 mang tên Hoàng Quốc H18.

Chứng minh nhân dân số 231366285 cấp ngày 28/7/2018; hộ chiếu số C5740983 ngày cấp: 06/08/2018 mang tên Nguyễn Khánh H19.

Chứng minh nhân dân số 231431698 cấp ngày 04/4/2019; hộ chiếu số C7208394 ngày cấp: 08/05/2019 mang tên Lưu Văn T13.

Chứng minh nhân dân số 231431599 cấp ngày 02/4/2019; hộ chiếu số C7213395 ngày cấp: 06/05/2019 mang tên Võ Thị B1.

Sau khi làm xong chứng minh và hộ chiếu với tên giả, H9 giữ lại sổ hộ khẩu, CMND và hộ chiếu cấp tại Gia Lai để lo thủ tục xuất cảnh. Sau đó H9 đã tổ chức cho 09 trường hợp sử dụng hộ chiếu với tên giả xuất cảnh trái phép; 01 trường hợp có hộ chiếu với tên giả Hồ Văn L5 chưa xuất cảnh, cụ thể:

Trường hợp sử dụng hộ chiếu với thông tin giả Nguyễn Văn L4 (sinh năm 1978) xuất cảnh đi du lịch Thái Lan từ ngày 23/01/2018 đến ngày 28/01/2018 tại sân bay quốc tế T.

Trường hợp sử dụng hộ chiếu với thông tin giả Hoàng Quốc H18 đi du lịch Singapore từ ngày 28/8/2018 đến ngày 30/8/2018 và đi du lịch Hàn Quốc từ ngày 02/3/2019 đến ngày 05/3/2019 tại sân bay quốc tế T.

Trường hợp sử dụng hộ chiếu với tên giả Lưu Văn T13 xuất cảnh đi du lịch từ ngày 25/5/2019 đến ngày 28/5/2019 (không rõ đi nước nào) tại sân bay quốc tế T và đi du lịch Hàn Quốc từ ngày 26/8/2019 đến ngày 29/08/2019.

Trường hợp sử dụng hộ chiếu với thông tin giả Võ Thị B1 xuất cảnh đi du lịch Thái Lan từ ngày 25/5/2019 đến ngày 28/5/2019.

Trường hợp sử dụng hộ chiếu với thông tin giả Nguyễn Khánh H19 xuất cảnh đi du lịch Singapore từ ngày 28/8/2018 đến ngày 30/8/2018.

Trường hợp sử dụng hộ chiếu với tên giả Nguyễn Văn H16 xuất cảnh đi du lịch đi du lịch Thái Lan từ ngày 23/01/2018 đến ngày 28/01/2018 và đã xuất cảnh đi Hàn Quốc ngày 23/6/2018 tại sân bay quốc tế T.

Trường hợp sử dụng hộ chiếu với thông tin giả Nguyễn Văn L4 (Sinh năm 1987) xuất cảnh đi du lịch Thái Lan từ ngày 23/01/2018 đến ngày 28/01/2018 và đã xuất cảnh đi Hàn Quốc ngày 13/4/2018 tại sân bay quốc tế T.

Trường hợp sử dụng hộ chiếu với thông tin giả Nguyễn Văn H17 đi du lịch Singapore từ ngày 31/7/2018 đến ngày 03/8/2018 và đi du lịch Hàn Quốc từ ngày 15/4/2019 đến ngày 19/4/2019 tại Sân bay T. Sau đó đã xuất cảnh đi Hàn Quốc ngày 19/9/2019.

Trường hợp sử dung hộ chiếu với thông tin giả Hoàng Quốc T10 đi du lịch Singapore từ ngày 31/7/2018 đến ngày 03/8/2018. Sau đó đã xuất cảnh đi Hàn Quốc ngày 01/9/2018 tại sân bay quốc tế T.

Mục đích tổ chức cho các đối tượng xuất cảnh đi du lịch Thái Lan, Hàn Quốc, Singapore qua các công ty du lịch tại TP . (Hiện Huyền không nhớ là các công ty du lịch nào) là để đẹp hộ chiếu để dễ xin visa Hàn Quốc. Khi có lịch bay, H9 liên hệ với các trường hợp yêu cầu họ vào sân bay T để xuất cảnh đi du lịch Thái Lan, Singapore, Hàn Quốc và cho số điện thoại các hướng dẫn viên du lịch để họ tự liên hệ. Sau khi đi du lịch về, các công ty du lịch trả lại hộ chiếu và CMND của các trường hợp trên cho H9. Sau khi đi du lịch về, thời gian sau 05 trường hợp với tên giả: Nguyễn Văn L4 (sinh năm 1978), Hoàng Quốc H18, Võ Thị B1, Lưu Văn T13, Nguyễn Khánh H19 đã chủ động liên lạc với H9 và báo không có nhu cầu đi Hàn Quốc nữa nên H9 chưa xin Visa Hàn Quốc cho 05 trường hợp trên và H9 cũng chưa thu tiền của các trường hợp trên.

Đối với 04 trường hợp còn lại với các tên giả: Nguyễn Văn L4 (sinh năm 1987), Nguyễn Văn H16, Hoàng Quốc T10, Nguyễn Văn H17; Sau khi đi du lịch về, H9 tiếp tục nộp hồ sơ cho các công ty xin Visa Hàn Quốc (Không rõ công ty nào) và xin được visa Hàn Quốc cho 04 trường hợp. Sau đó 04 trường hợp đã sử dụng Chứng minh và hộ chiếu với tên giả Nguyễn Văn L4, Nguyễn Văn H16, Hoàng Quốc T10, Nguyễn Văn H17 xuất cảnh đi Hàn Quốc.

11. Đối với 03 trường hợp Lê Quang P (sinh năm: 1984, HKTT: xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) sử dụng thông tin giả Lê Quang P4; Nguyễn Văn H10 (sinh năm 1976, HKTT: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình) sử dụng thông tin giả Nguyễn Văn T19; Trần Văn H11 (sinh năm: 1983, HKTT: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình) sử dụng thông tin giả Trần Văn P5.

Khoảng đầu năm 2019, Thiều Thanh L7 liên lạc qua Facebook với La Thị H9 về để giúp Lê Quang P, Nguyễn Văn H10, Trần Văn H11 ở tỉnh Quảng Bình đi Hàn Quốc lao động.

Khoảng cuối tháng 3/2019, Lê Quang P, Nguyễn Văn H10, Trần Văn H11 cắt khẩu và gặp H9 tại tỉnh Gia Lai. Sau đó, H9 gặp Thiều Q thỏa thuận nhập khẩu khống cho 03 trường hợp này vào huyện Đ và phải thay đổi quê quán không còn ở Quảng Bình để đi Hàn Quốc. Do là các trường hợp cuối nên N đồng ý và yêu cầu giá tiền công mỗi trường hợp là 10.000.000đ (mười triệu đồng) đưa trước 5.000.000đ (năm triệu đồng), H9 đồng ý và thống nhất thay đổi thông tin như sau:

- Lê Quang P (sinh ngày 04/05/1984; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) thành Lê Quang P4 (sinh ngày 04/5/1985, quê quán: Song Ray, C, Đồng Nai).

- Nguyễn Văn H10 (sinh ngày 10/9/1976; nơi cư trú: Chợ C, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình) thành Nguyễn Văn T19 (sinh 10/03/1977, quê quán: L, Nhà B, TP .).

- Trần Văn H11 (sinh ngày 02/8/1983, HKTT: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình) thành Trần Văn P5 (sinh ngày 22/8/1984, quê quán: xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre).

Sau đó, N nhờ Rơ Mah H làm 03 giấy chuyển hộ khẩu khống từ xã I, I về xã I, Đ cho 03 trường hợp Lê Quang P4, Nguyễn Văn T19, Trần Văn P5 và N đã bồi dưỡng cho H số tiền 4.500.000đ.

Sau khi nhận giấy chuyển hộ khẩu, Nam mượn sổ hộ khẩu của 03 hộ: Lê Khả T14 (thôn Đ, xã I, Đ); Mai Thị L8 (thôn I, I, Đ) và Phạm Xuân T20 (thôn Đ, I, Đ) để nhập khẩu cho người quen của N và được 03 hộ này đồng ý cho nhập khẩu. Sau đó, N nhờ Lê Quang H14 (Phó Trưởng Công an xã I, Đ) làm các thủ tục nhập khẩu, cấp đơn đề nghị cấp Chứng minh nhân dân cho 03 trường hợp trên rồi N giao cho H9 sổ hộ khẩu, đơn đề nghị cấp CMND của ba người này.

Sau đó, H9 đưa sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp chứng minh nhân cho P, H10, H11 và hướng dẫn 03 trường hợp đi làm chứng minh và hộ chiếu với tên giả như trong sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân, hộ chiếu với thông tin giả Lê Quang P4, Nguyễn Văn T19, Trần Văn P5.

Sau khi nhận được hộ khẩu, CMND, hộ chiếu với thông tin cá nhân giả mang tên Lê Quang P4, Nguyễn Văn T19, Trần Văn P5, H9 làm thủ tục xin thị thực đi Hàn Quốc nhưng bị trượt nên H11 còn P, H10 đề nghị lo thủ tục đi Cannada với chi phí là 28.000USD nên H9 liên hệ và nộp hồ sơ Lê Quang P4, Nguyễn Văn T19 cho Công ty TNHH T22 (36/20 Giải Phóng, P, quận T, TP .) để xin visa xuất cảnh đi Nhật Bản với chi phí 25.000.000đ/người.

Để thuận lợi cho việc xin viza Canada nên ngày 27/6/2019 đến ngày 30/6/2019 H9 tổ chức cho P, H10 xuất cảnh đi Nhật Bản, đến ngày 19/9/2019, H9 đưa P, H10 với thông tin cá nhân giả mang tên Lê Quang P4 và Nguyễn Văn T19 ra sân bay N để xuất cảnh đi Pháp, khi làm thủ tục để xuất cảnh với thông tin cá nhân giả thì bị Cục Q2 phát hiện sử dụng hộ chiếu, CMND giả nên đã lập biên bản vi phạm hành chính, mời về trụ sở làm việc, sau đó chuyển vụ việc cho Công an tỉnh G điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra, H9 khai nhận mỗi một trường hợp xin được V Hàn Quốc thì H9 thu lợi khoảng 20 triệu đồng. Đối với các trường hợp chưa xin được Visa H24 chưa thu lợi nhưng mất các chi phí đi lại, chi phí làm giả giấy tờ… nên H24 chưa thu lợi từ việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Kết luận giám định số 841/KL-KTHS ngày 02/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận:

Chữ ký đứng tên "Rơ Mah Hơnh" dưới mục "TRƯỞNG CÔNG AN: xã" và chữ viết trên 19 giấy chuyển hộ khẩu số: 29/GCHK ngày 13/6/2016, 25/GCHK ngày 10/12/2016, 43/GCHK ngày 01/8/2017 (02 tờ), 27/GCHK ngày 15/9/2017, 58/GCHK ngày 03/9/2017, 61/GCHK ngày 12/10/2017, 59/GCHK ngày 15/10/2017, 41/GCHK ngày 15/3/2018, 43/GCHK ngày 06/4/2018, 54/GCHK ngày 15/6/2018, 56/GCHK ngày 15/6/2018, 57/GCHK ngày 15/6/2018, 45/GCHK ngày 10/7/2018, 46/GCHK ngày 10/7/2018, 39/GCHK ngày 27/3/2019, 43/GCHK ngày 26/3/2019, 42/GCHK ngày 27/3/2019, 44/GCHK ngày 27/3/2019 (Ký hiệu từ A1 đến A19) so với chữ ký, chữ viết của Rơ Mah H trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M6) do cùng một người ký và viết ra.

Hình dấu tròn có nội dung "□ CÔNG AN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI□ CÔNG AN XÃ IA CHIA" dưới mục "TRƯỞNG CÔNG AN: xã" trên 19 giấy chuyển hộ khẩu (Ký hiệu từ A1 đến A19) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M4 đến M8) do cùng một con dấu đóng ra.

Chữ ký đứng tên "Lê Văn H13" dưới mục "P' TRƯỞNG CÔNG AN: Xã" trên Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 02/8/2017 mang tên Hồ Văn L5 (Ký hiệu A21) so với chữ ký của Lê Văn H13 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M9, M10 và M11) do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận Chữ viết "TRẦN THỊ THU TRANG" dưới mục "Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ", "NGƯỜI VIẾT PHIẾU BÁO" và chữ viết trên Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 02/8/2017 mang tên Hồ Văn L5 (Ký hiệu A21) so với chữ viết của Lê Văn H13 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M9, M10 và M11) có phải do cùng một người viết ra hay không.

Không đủ cơ sở kết luận Chữ viết "TRẦN THỊ THU TRANG" dưới mục "Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ" trên Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 15/9/2017 mang tên Nguyễn Văn H16 (Ký hiệu A23) so với chữ viết của Lê Văn H13 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M9, M10 và M11) có phải do cùng một người viết ra hay không.

Chữ viết tại phần nội dung (đóng dấu....) trên Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 15/9/2017 mang tên Nguyễn Văn H16 (ký hiệu A23) so với chữ viết của Lê Văn H13 trên các mẫu so sánh (ký hiệu M9, M10 và M11) do cùng một người viết ra.

Chữ ký đứng tên "Lê Văn H13" dưới mục "Phó trưởng Công an xã" và chữ viết trên đơn đề nghị cấp CMND ngày 03/8/2017 cấp cho Hồ Văn L5, trừ chữ viết tại mục "Sổ hộ khẩu số……" và mục "người làm đơn" (ký hiệu A54) so với chữ ký, chữ viết của ông Lê Văn H13 trên các mẫu so sánh (ký hiệu M9, M10 và M11) do cùng một người ký và viết ra.

Không đủ cơ sở cơ sở kết luận chữ viết "Hồ Văn L5" dưới mục người làm đơn" trên đơn đề nghị cấp CMND ngày 03/8/2017 (ký hiệu A54) so với chữ viết của ông Lê Văn H13 trên các mẫu so sánh (ký hiệu M9, M10 và M11) có phải do cùng một người viết ra hay không.

Hình dấu tròn có nội dung "□ CÔNG AN HUYỆN ĐỨC CƠ TỈNH GIA LAI□ CÔNG AN XÃ IA DƠK" trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A21, A28, A54) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M21 đến M25) do cùng một con dấu đóng ra.

Không đủ cơ sở kết luận Chữ viết dưới mục "NGƯỜI VIẾT PHIẾU BÁO" trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A20, A22, A24, A25) so với chữ viết của Lê Văn H13 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M9, M10 và M11) có phải do cùng một người viết ra hay không.

Không đủ cơ sở kết luận Chữ viết dưới mục "Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ" và "NGƯỜI VIẾT PHIẾU BÁO" trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A26, A27, từ A29 đến A38) so với chữ viết của Lê Quang H14 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M12 đến M17) có phải do cùng một người viết ra hay không.

Chữ ký đứng tên "Lê Quang H14" dưới mục "P' TRƯỞNG CÔNG AN XÃ IA DƠK" và chữ viết trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A28) so với chữ viết của Lê Quang H14 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M12 đến M17) do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ viết dưới mục "NGƯỜI KHAI HOẶC NGƯỜI VIẾT HỘ" và chữ viết trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A47 đến A53) so với chữ viết của Lê Quang H14 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M12 đến M17) có phải do cùng một người viết ra.

Chữ viết dưới mục "NGƯỜI KHAI HOẶC NGƯỜI VIẾT HỘ" và chữ viết trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A40, A41, A42, A46) so với chữ viết của Thiều Quang N trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M18, M19 và M20) do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận Chữ viết dưới mục "NGƯỜI KHAI HOẶC NGƯỜI VIẾT HỘ" và chữ viết trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A39, A43, A44, A45) so với chữ viết của Lê Văn H13 trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M9, M10 và M11) có phải do cùng một người viết ra hay không.

Tại cáo trạng số 74/CTVKS-P1 ngày 26/5/2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Rơ Mah Hơnh về tội "Giả mạo trong công tác", theo điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo La Thị H9 về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Thiều Quang N về tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Nguyễn Ánh D, Trần Thanh N1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T, Nguyễn Văn T1, Lê Thị Thanh L và Phạm Đức T2 về tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2025/HS-ST ngày 22-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Rơ Mah H phạm tội "*Giả mạo trong công tác*"; Bị cáo Thiều Quang N phạm tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*"; Các bị cáo Nguyễn Ánh D, Trần Thanh N1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T, Nguyễn Văn T1, Lê Thị Thanh L và Phạm Đức T2 phạm tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Rơ Mah H **09** (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.2 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, t, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Thiều Quang N **18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.3 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ánh D **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh N1 **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh H1 **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức T2 **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Xuân T **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.4 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh L **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo La Thị H9, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định các bị cáo Rơ Mah H, Thiều Quang N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo gồm Trần Thanh N1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T, Nguyễn Văn T1, Lê Thị Thanh L, Phạm Đức T2 và Nguyễn Ánh D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Rơ Mah H, Thiều Quang N, Trần Thanh N1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T, Nguyễn Văn T1, Lê Thị Thanh L, Phạm Đức T2 và Nguyễn Ánh D đều giữ nguyên nội dung như đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với các kháng cáo của Thiều Quang N, Phạm Đức T2, Nguyễn Văn T1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T, Nguyễn Ánh D, Lê Thị Thanh L, Trần Thanh N1 đề nghị không chấp nhận. Đối với kháng cáo của bị cáo Rơ Mah H thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hoạt động của các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Bị cáo La Thị H9 làm nghề môi giới dịch vụ xin visa đi các nước, có 22 trường hợp (gồm 07 người là bị cáo trong vụ án: Phạm Đức T2, Nguyễn Văn T1, Trần Thanh N1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T, Nguyễn Ánh D và Lê Thị Thanh L; 03 trường hợp đã bị xét xử gồm: Lê Quang P, Nguyễn Văn H10 và Trần Văn H11; 02 trường hợp gồm Nguyễn Thanh M2 và Lê Văn H15 không làm và không sử dụng giấy tờ giả; 10 trường hợp chỉ xác định được thông tin là giả: Nguyễn Văn L4, sinh năm 1978, Nguyễn Văn Lâm sinh năm 1987, Nguyễn Văn H16, Hồ Văn L5, Hoàng Quốc T10, Nguyễn Văn H17, Hoàng Quốc H18, Nguyễn Khánh H19, Lưu Văn T13 và Võ Thị B1) liên hệ với H9 muốn đi xuất khẩu lao động tại Hàn

Quốc nhưng thời điểm đó hộ khẩu ở các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình và Thanh Hóa khó xin thị thực đi Hàn Quốc nên phải nhập khẩu vào Gia Lai. H9 liên hệ với Thiều Quang N (lúc này N đang là trưởng Công an xã I, huyện Đ) nhờ N nhập khẩu cho một số trường hợp vào tỉnh Gia Lai để làm ăn nhưng phải thay đổi quê quán và sẽ gửi tiền cho N. N nhờ Rơ Mah H làm các thủ tục, cụ thể như sau:

[2.1] Về hành vi phạm tội "*Giả mạo trong công tác*":

Thiều Quang N liên hệ với Rơ Mah H (thời điểm này Rơ Mah H đang là trưởng Công an xã I, huyện I – là người có nhiệm vụ giải quyết việc chuyển khẩu, nhập khẩu cho công dân) nói có một số người quen muốn chuyển hộ khẩu về Đ để mua đất làm ăn nhưng không có giấy tờ gì nên nhờ H làm giấy chuyển hộ khẩu từ xã I, huyện I về xã I, huyện Đ trong khi 19 trường hợp này (trừ 03 trường hợp đã bị xét xử) không có hộ khẩu tại xã I, huyện I. H đồng ý và đã tự nghĩ ra các thông tin về nơi thường trú, họ tên chủ hộ nơi đi, quan hệ với chủ hộ, lý do chuyển đi điền vào 19 giấy chuyển khẩu trong đó có 02 giấy chuyển khẩu Hơnh lùi về năm 2016 và thu lợi số tiền 19.000.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Rơ Mah H về tội "Giả mạo trong công tác" với tình tiết định khung là "Làm, cấp giấy tờ giả với số lượng từ 11 giấy tờ giả trở lên" theo điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2.2] Về hành vi phạm tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức*":

Mỗi lần nhờ Nam nhập khẩu H9 cung cấp ảnh, thông tin cá nhân và điều chỉnh tên, năm sinh, quê quán của 22 trường hợp nêu trên. Có được các giấy chuyển khẩu do Rơ Mah H làm, Thiều Quang N đã lợi dụng mối quan hệ với các hộ dân tại Đ để bảo lãnh cho đăng ký nhập khẩu. N liên hệ với Lê Văn H13 (trong năm 2017 là phó trưởng Công an xã I) tiếp nhận hồ sơ nhập khẩu cho 06 trường hợp và Lê Quang H14 (từ cuối năm 2017 đến 3/2019 là phó trưởng Công an xã I) tiếp nhận hồ sơ nhập khẩu cho 16 trường hợp vào xã I, huyện Đ với thông tin đã cải chính trước đó và làm tờ khai đề nghị cấp chứng minh nhân dân đưa cho H9 để H9 cùng các bị cáo và các đối tượng đi làm 22 Giấy chứng minh nhân dân và 21 hộ chiếu, làm các thủ tục xuất nhập cảnh. Trừ 03 trường hợp đã bị xét xử trước đó, T21 bị truy cứu trách nhiệm hình sự với 19 trường hợp làm giấy tờ giả và hưởng lợi 28.500.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Thiều Quang N, bị cáo La Thị H9 về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" với tình tiết định khung "Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên" theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2.3] Hành vi phạm tội "*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*", "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*":

Khi đã có các giấy tờ nhập khẩu tại xã I, huyện Đ với tên và quê quán giả, ngày, tháng, năm sinh giả thì các bị cáo Phạm Đức T2, Nguyễn Văn T1, Trần Thanh N1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T, Nguyễn Ánh D và Lê Thị Thanh L đã thực hiện thủ tục cấp chứng minh nhân dân tại Công an tỉnh G, sau khi có Chứng minh nhân dân lại tiếp tục đến Công an tỉnh G làm hộ chiếu.

Sau khi có chứng minh nhân dân và hộ chiếu, H9 liên hệ nộp hồ sơ thông qua công ty D3 để tổ chức cho T2, T1, N1, H1 đi du lịch Singapore; tổ chức cho T, D đi du lịch Thái Lan với mục đích để đẹp hộ chiếu dễ xin visa Hàn Quốc và đã xin visa Hàn Quốc thành công và đưa L đi lao động tại Hàn Quốc. Đối với 10 trường hợp chỉ xác định được thông tin giả, qua điều tra H9 đã tổ chức cho 09 trường hợp đi xuất cảnh, nhập cảnh vào các nước Singapore, Thái Lan và có trường hợp đã xin được visa lao động tại Hàn Quốc.

Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định bị cáo Rơ Mah H phạm tội "*Tội giả mạo trong công tác*", bị cáo Thiều Quang N phạm tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*"; các bị cáo Phạm Đức T2, Nguyễn Văn T1, Trần Thanh N1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T, Nguyễn Ánh D và Lê Thị Thanh L phạm tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*" là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo Rơ Mah H thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã lợi dụng quyền hạn được giao để làm, cấp giấy tờ giả cho nhiều người, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức.

Hành vi phạm tội của bị cáo Thiều Quang N thuộc trường hợp nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đồng phạm với bị cáo chủ mưu.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Đức T2, Nguyễn Văn T1, Trần Thanh N1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T, Nguyễn Ánh D và Lê Thị Thanh L thuộc trường hợp sử dụng tài liệu giả tên, giả nơi sinh, giả ngày tháng năm sinh để xuất cảnh ra nước ngoài, ảnh hưởng xấu đến tình hình xuất nhập cảnh.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N nhiều lần làm giả giấy tờ, bị cáo H cũng nhiều lần lợi dụng chức vụ giả mạo giấy tờ nên các bị cáo đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo còn lại cũng nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nhưng đã áp dụng định khung hình phạt nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án trước, các bị cáo Thiều Quang N và Rơ Mah H đã khai báo thành khẩn hành vi của bản thân cũng như khai hành vi của một số đối tượng liên quan. Tuy nhiên, do bị cáo H9 bỏ trốn nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tố nên đã tách ra xử lý vụ án khác, nay đã bắt được bị cáo H9 và khởi tố thêm các bị cáo có hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức, các bị cáo H, N cũng tích cực khai báo để sớm xử lý vụ án. Do đó, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án*" theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho hai bị cáo.

Bị cáo Thiều Quang N được Công an huyện Đ xác nhận đã cung cấp thông tin về trường hợp Lê Hoàng Minh V thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy và Công an huyện Đ đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can; Quá trình điều tra bị cáo đã tích cực giúp cơ quan an ninh điều tra sớm giải quyết được vụ án khác và được cơ quan An ninh điều tra xác nhận. Trong quá trình công tác bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ tặng Giấy khen vì đạt thành tích tốt trong phong trào thi đua yêu nước các năm 2014, 2016, 2017, 2018, 2019 và có thành tích tốt trong công tác đấu tranh phòng chống người dân tộc thiểu số vượt biên Campuchia, Thái Lan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã I tặng Giấy khen vì có thành tích tốt trong công tác tuyển quân năm 2018; Giám đốc công ty G tặng Giấy khen vì đã hoàn thành tốt công tác phối hợp và giữ vững an ninh trật tự 4 năm (2006-2010), bị cáo có bố là Thiều Quang T3 được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và hai bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Nên bị cáo N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*người phạm tội đã lập công chuộc tội*" và "*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm*" theo điểm t, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Rơ Mah H được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện I tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong hoạt động công tác dân tộc giai đoạn 2014-2019, và có thành tích xuất sắc trong công tác thực hiện nhiệm vụ diễn tập năm 2018; được Giám đốc Công an tỉnh G tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã I tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng địa phương, năm 2017, 2018, vì có thành tích xuất sắc trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc, vì có thành tích trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi và có thành tích xuất sắc trong công tác bầu cử Quốc Hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021. Vì bị cáo được cấp trên trực tiếp tặng nhiều Giấy khen với thành tích xuất sắc nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội có thành tích xuất sắc trong công tác" quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Thị Thanh L tại thời điểm xét xử sơ thẩm bị cáo đang có thai 35 tuần 01 ngày, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội là phụ nữ có thai*" theo điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Thanh N1 được tặng Giấy khen trong quá trình đi nghĩa vụ quân sự, có thành tích trong công tác phòng chống Covid tại địa phương, được chính quyền xã xác nhận; có ông ngoại là Trần Ngọc L9, bà ngoại là Lê Thị L10 được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Bị cáo Phạm Thanh H1 từng tham gia nghĩa vụ quân sự, có bố là ông Phạm Đức H5 được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và Bằng khen trong công tác và học tập; Mẹ là bà Trương Thị L1 được nhà nước tặng Bằng khen trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Ông Phạm Bưu L11 ông nội được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

Bị cáo Phạm Đức T2 có bố và mẹ tham gia cách mạng, được chủ tịch tỉnh Thanh Hóa tặng bằng khen vì có thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước; ông nội Phạm Đức L12 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng ba; bị cáo đã ly hôn và là lao động chính đang nuôi 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2024.

Bị cáo Nguyễn Ánh D có có thành tích trong công tác xã hội có xác nhận của chính quyền xã và có ông nội là ông Nguyễn Đình C4 được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất.

Bị cáo Lê Thị Thanh L có ông bà được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất và Huân chương chiến sỹ vẻ vang.

Do đó, các bị cáo N1, H1, T2, L được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

[5] Xem xét về hình phạt:

Các bị cáo Rơ Mah H, Thiều Quang N tiếp tục bị xét xử giai đoạn 2 với cùng tội danh và cùng một chuỗi hành vi phạm tội, nhưng được tách làm hai vụ án, do có nguyên nhân vì bị cáo H9 bỏ trốn và chưa tìm được các bị cáo khác, là đã bất lợi cho hai bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo N đã được Toà án cấp sơ thẩm quyết định mức hình phạt phù hợp, nên giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo N; đối với bị cáo H là người dân tộc thiểu số, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Các bị cáo Phạm Đức T2, Nguyễn Văn T1, Trần Thanh N1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T, Nguyễn Ánh D và Lê Thị Thanh L muốn ra nước ngoài lao động để phục vụ cuộc sống nhưng lại sinh ra ở các vùng quê không được nước này tiếp

nhận, nên các bị cáo đã phạm tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, nay đều tỏ ra ăn năn hối cải nên đều có thể khoan hồng cho các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo chỉ được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên Toà án cấp sơ thẩm đã buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù với mức án khởi điểm của khung hình phạt là có phần nghiêm khắc, nhưng đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Ánh D cung cấp tài liệu mới thể hiện đã chủ động, tích cực tham gia cứu nạn đuối nước tại địa phương được xác nhận và được xã T tặng Giấy Khen ngày 25/02/2026. Bị cáo Trần Thanh N1 cung cấp tài liệu chứng cứ mới thể hiện đã hợp tác và cung cấp thông tin giúp Cơ quan Công an phát hiện tội phạm mới để xử lý, được Công an xac T xác nhận; đây là tình tiết lập công chuộc tội. Bị cáo Lê Thị Thanh L cung cấp tài liệu có xác nhận của Chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Cả 3 bị cáo D, N1 và L đều đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, nên xem xét áp dụng và giảm cho các bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo Phạm Đức T2, Nguyễn Văn T1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T cũng có cung cấp tài liệu có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn, gia đình có công cách mạng, tuy nhiên đây là tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[6] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét; việc thi hành án được thực hiện theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo Thiều Quang N, Phạm Đức T2, Nguyễn Văn T1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng. Các bị cáo Rơ Mah H, Nguyễn Ánh D, Lê Thị Thanh L, Trần Thanh N1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thiều Quang N, Phạm Đức T2, Nguyễn Văn T1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Rơ Mah H, Nguyễn Ánh D, Lê Thị Thanh L, Trần Thanh N1; sửa một phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2025/HS-ST ngày 22-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, đối với các bị cáo Rơ Mah H, Nguyễn Ánh D, Lê Thị Thanh L, Trần Thanh N1.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Rơ

Mah H **08** (tám) năm tù, về tội "*Giả mạo trong công tác*"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.2 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, t, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Thiều Quang N **18** (mười tám) tháng tù về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.3 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh H1 **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức T2 **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Ngô Xuân T **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.4 - Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s, u khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh N1 **15** (mười lăm) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ánh D **12** (mười hai) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.5- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh L **15** (mười lăm) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Thiều Quang N, Phạm Đức T2, Nguyễn Văn T1, Phạm Thanh H1, Ngô Xuân T phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng; các bị cáo Rơ Mah H, Nguyễn Ánh D, Lê Thị Thanh L, Trần Thanh N1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- Viện công tố và KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT, Phòng tham mưu-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THAHS và HTTP CA tỉnh Gia Lai;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long